

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH TRỊ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26-8-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Lý;
2. Ông Võ Tấn Nga.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Mỹ Anh, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lý Thị Chành T**, sinh năm 1999 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trung N, xã Lâm T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Anh **Sơn Da L**, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Kiết L, xã Lâm T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Trong đơn khởi kiện ngày 27/5/2020 nguyên đơn chị Lý Thị Chành T trình bày:**

Chị và anh Sơn Da L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 04/01/2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lâm T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng sống với nhau được một thời gian, anh L không lo làm ăn, đi chơi, uống rượu, cờ bạc từ đó dẫn đến mâu thuẫn gia đình, thường xuyên cãi nhau, khi chị mang thai và sinh con thì anh Lộc bỏ đi, một mình chị nuôi con và sống ly thân

đến nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên: Sơn Thị Bích N, sinh ngày 08/11/2018, hiện con đang sống cùng chị. Khi vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2020 và tại Tòa án bị đơn anh Sơn Da L trình bày:*

Anh và chị T quen nhau và được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lâm T, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng sống chung với nhau được khoảng 02 năm thì ly thân. Quá trình chung sống anh thừa nhận có ham chơi, có uống rượu, sau đó thì anh đi làm thuê nên vợ chồng ly thân đến nay khoảng 01 năm. Sau khi chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột anh có nhiều lần đến tìm vợ và thăm con nhưng bị gia đình chị T ngăn cản. Nay do vẫn còn thương vợ nên anh xin được hàn gắn. Về con chung, thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên: Sơn Thị Bích N, sinh ngày 08/11/2018, hiện con đang sống cùng mẹ. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh L; về con chung giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con Sơn Thị Bích N đến khi đủ 18 tuổi; không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung do không có yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lý Thị Chành T yêu cầu ly hôn với anh Sơn Da L và yêu cầu nuôi con chung. Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Lý Thị Chành T có đơn yêu cầu được giải quyết vắng mặt lập ngày 22/7/2020, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn thể hiện ngày 04/01/2018 chị T và anh L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lâm T, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng, chị T, anh L trình bày kết hôn trên cơ sở tự

nguyên, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Qua lời trình bày của đương sự thể hiện, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, do anh L ham chơi và thường uống rượu, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên đã ly thân khoảng một năm nay. Chị T yêu cầu ly hôn với anh L và anh L xin hàn gắn đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành mời hòa giải nhiều lần nhưng anh L không có thiện chí tham gia, mặc dù đã nhận được các thông báo hòa giải của Tòa án. Mặt khác, thời gian vợ chồng ly thân đến nay hơn một năm, mạnh ai chỉ biết bốn phận của người đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không làm tròn nghĩa vụ của vợ chồng. Anh L xin hòa giải đoàn tụ, chị T giữ nguyên nội dung khởi kiện ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có một con chung tên Sơn Thị Bích N, sinh ngày 08/11/2018, từ khi sinh ra đến nay đều sống cùng chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cháu N đến đủ 18 tuổi và được anh L đồng ý giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Cả chị T và anh L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do vợ chồng đã tự thỏa thuận việc nuôi con chung cũng như không yêu cầu cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị T và anh L, giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con do đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh L thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung và không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T là người xin ly hôn phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì là có căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Chành T được ly hôn với anh Sơn Da L.

2. Về quyền nuôi con: Chị Lý Thị Chành T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Sơn Thị Bích N, sinh ngày 08/11/2018 đến khi con đủ 18

tuổi. Anh Sơn Da L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lý Thị Chành T và anh Sơn Da L thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị Chành T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003162 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, chị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- UBND xã Lâm T;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Nghiệp**